



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng

Ngày 31/03/2025	7,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.3%	-1.3%	-2.6%

DT thuần Q1/25
301
tỷ VNĐ
QoQ: ▼48.0 -13.8%
YoY: ▲ 6.00 1.9%

LN thuần Q1/25
0.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.36 118%
YoY: ▼1.73 -67.7%

LN sau thuế Q1/25
1.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.97 135%
YoY: ▼1.35 -56.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
1.0%
YoY: +/-▲ 1.6%

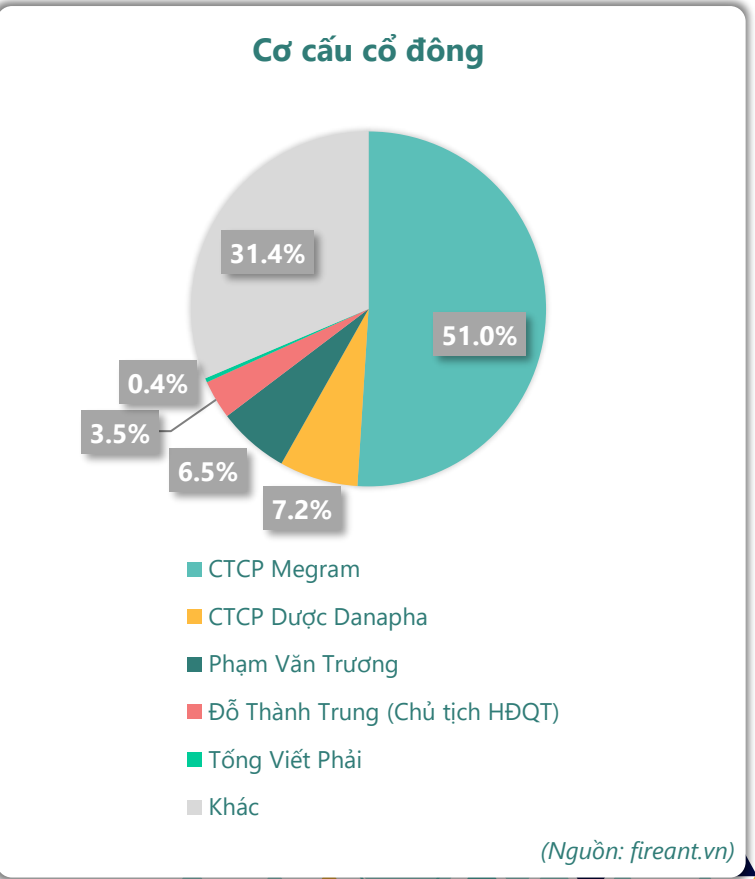
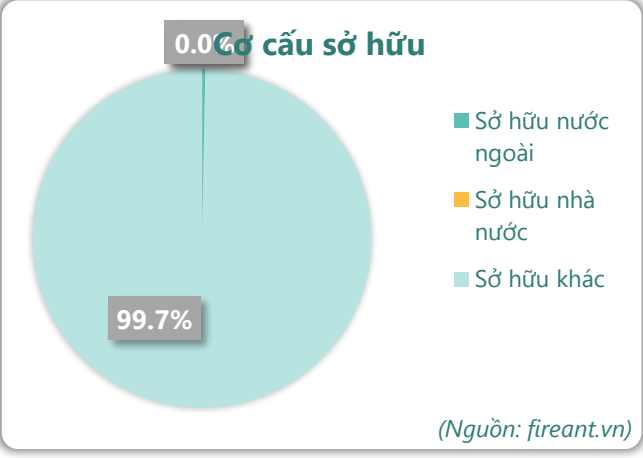
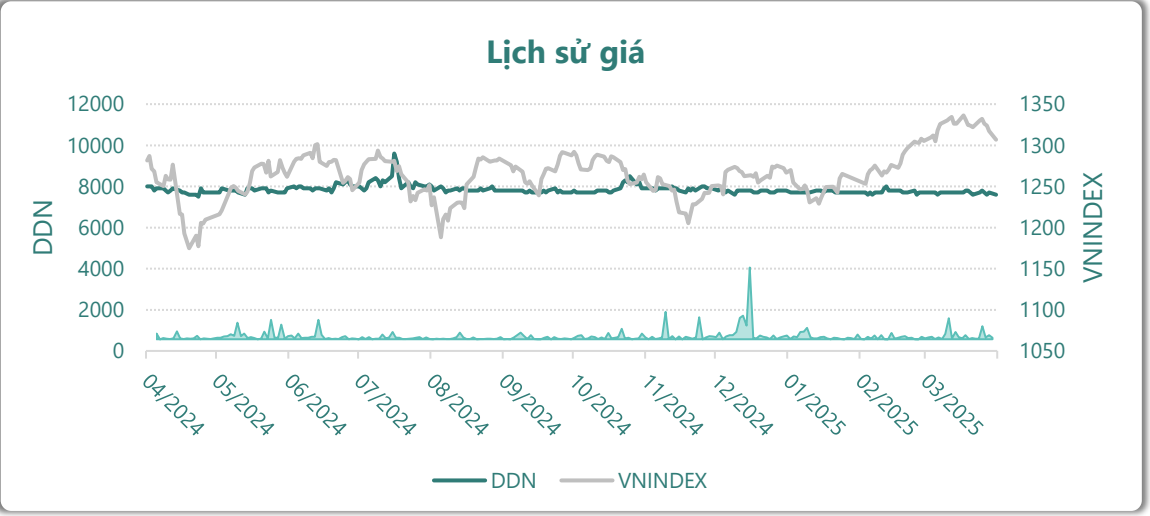
ROE (TTM) Q1/25
3.0%
YoY: +/-▼ 0.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,500 - 9,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	117
Số lượng CPLH (CP)	15,349,328
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,425
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	
EPS	390
P/E	19.5

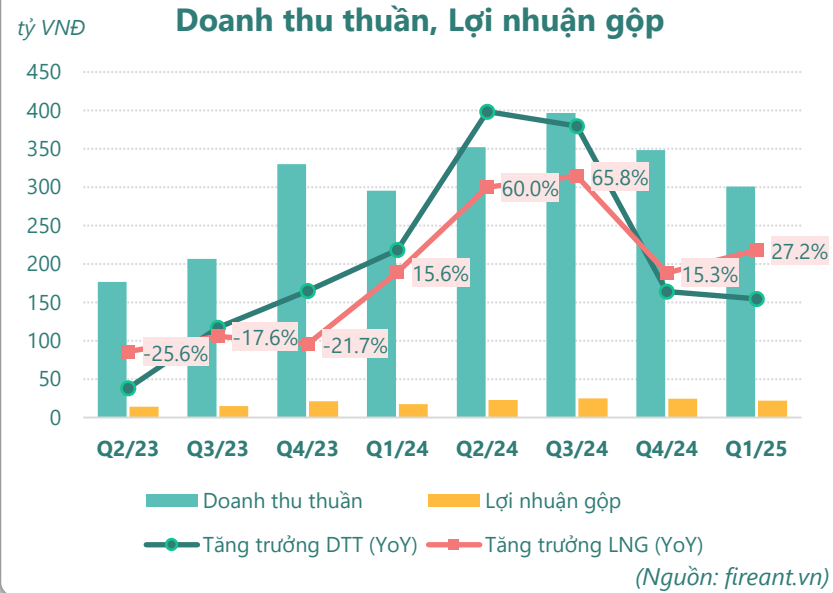
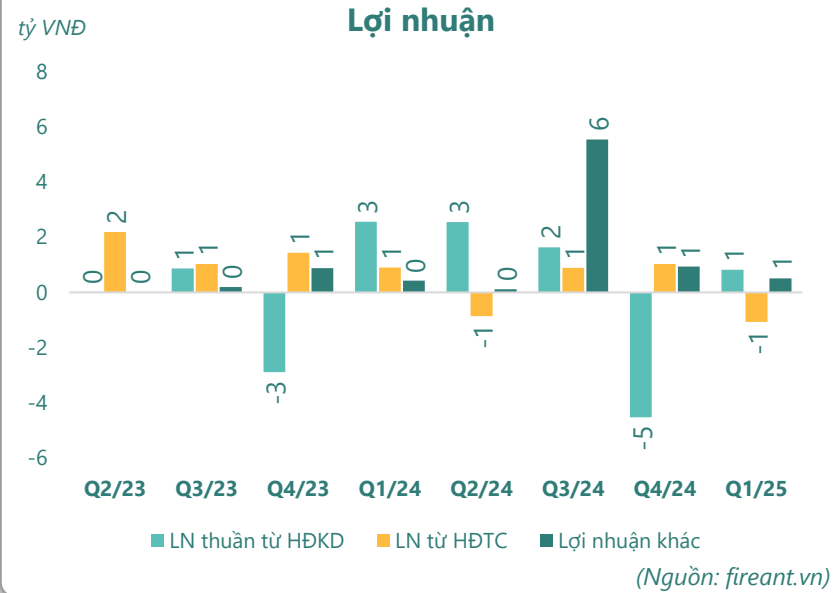
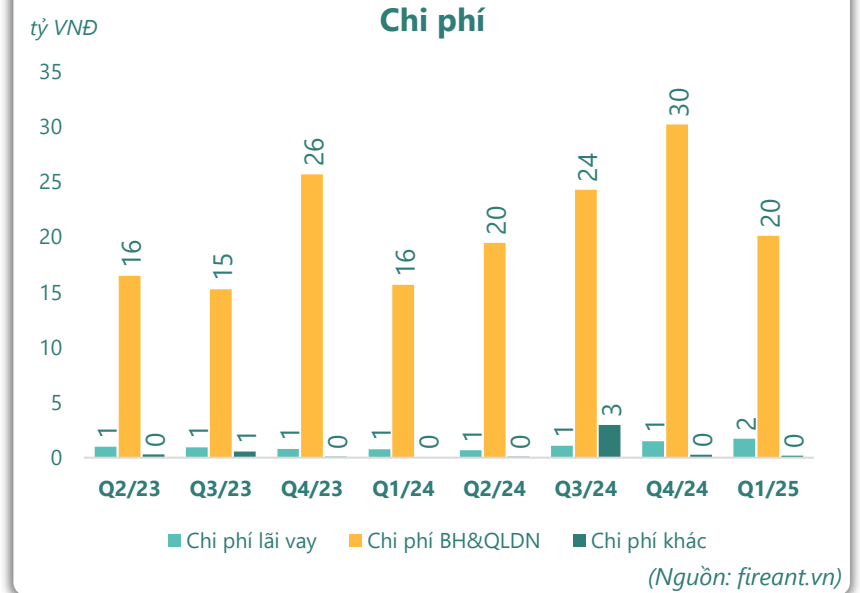
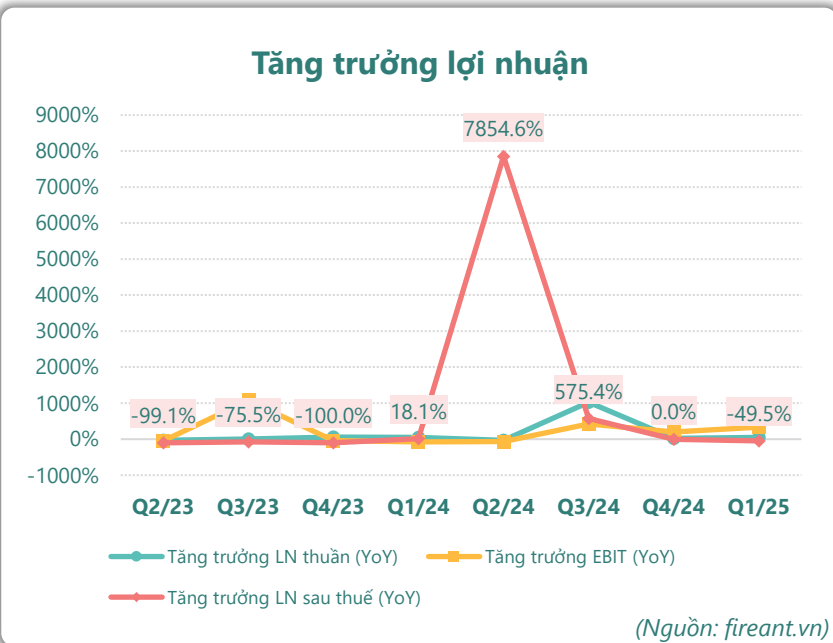
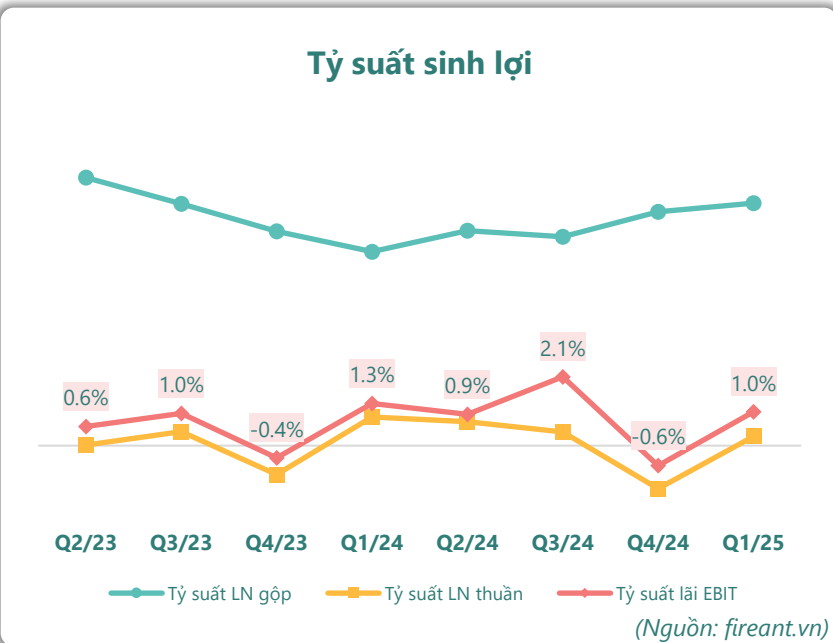
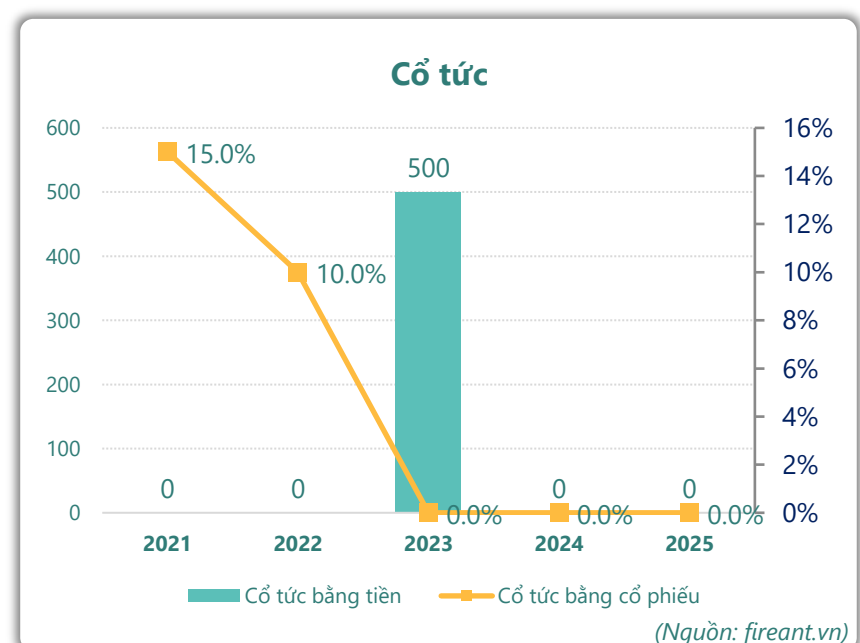
DT thuần 2024
1,393
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 450 47.6%

LN thuần 2024
2.71
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.74 178%

LN sau thuế 2024
7.62
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.51 586%



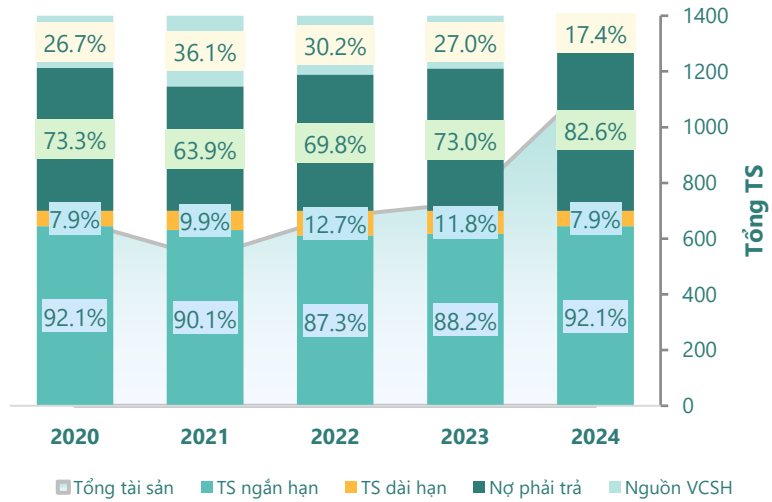
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

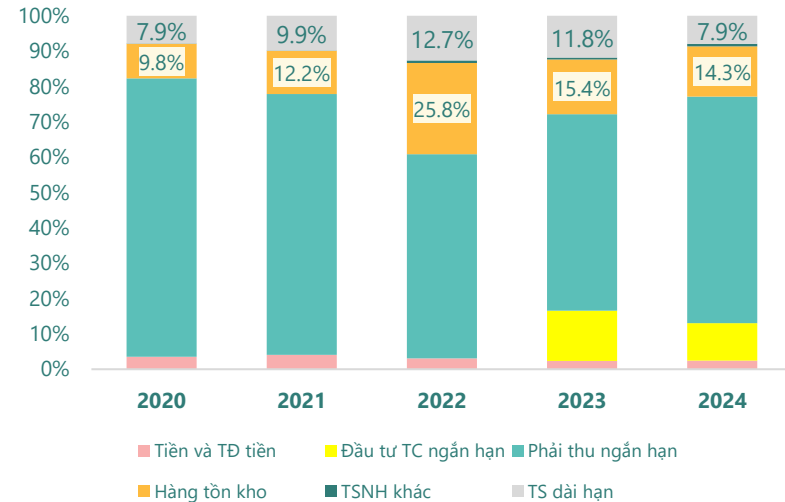
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

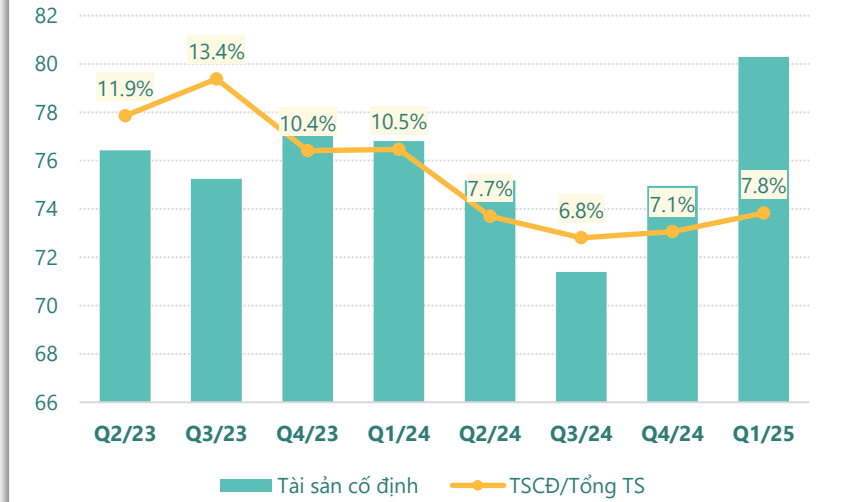
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

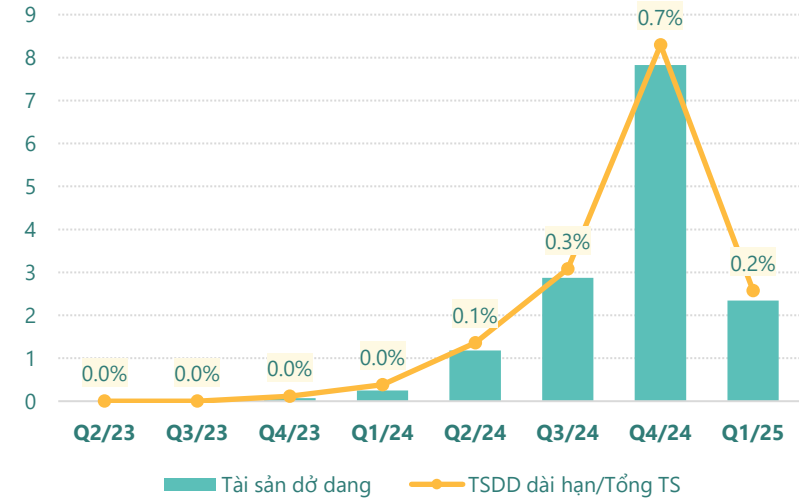
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

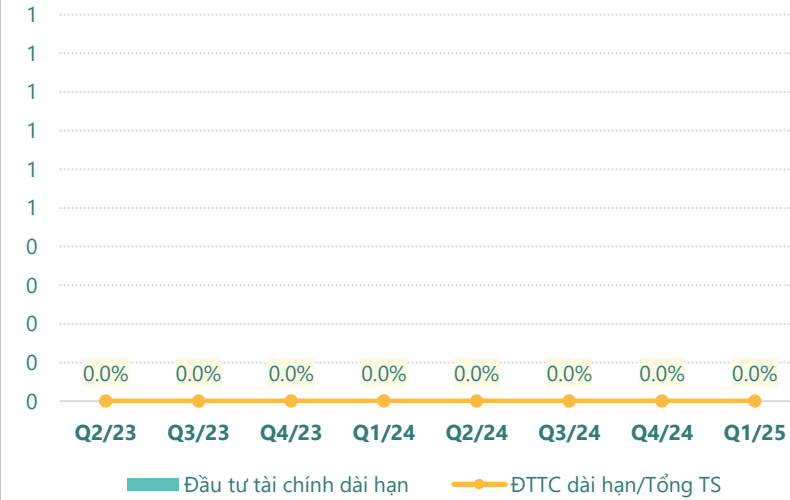
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

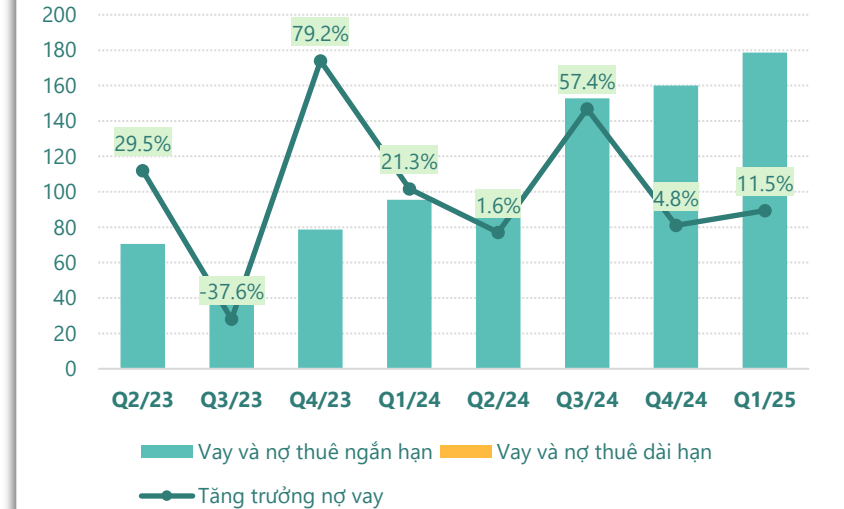
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

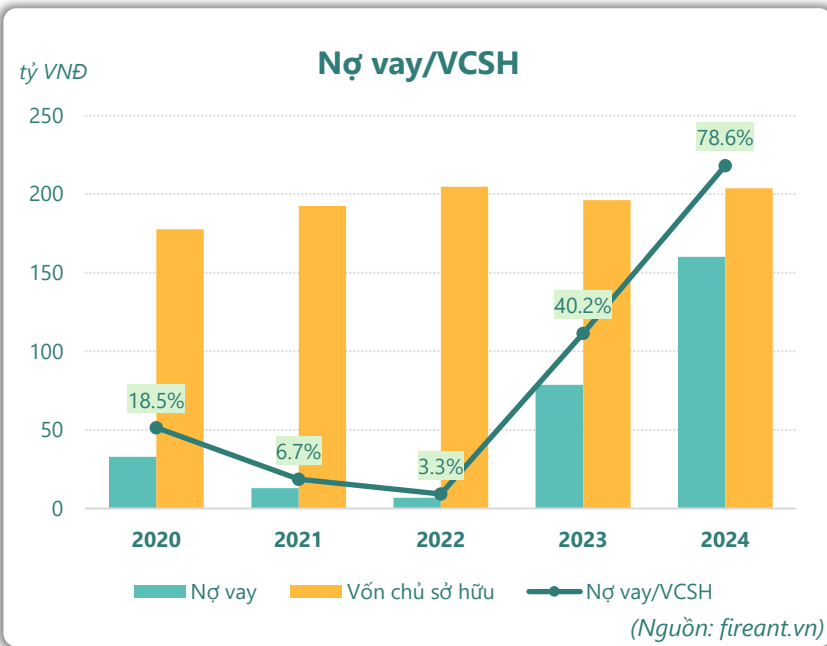
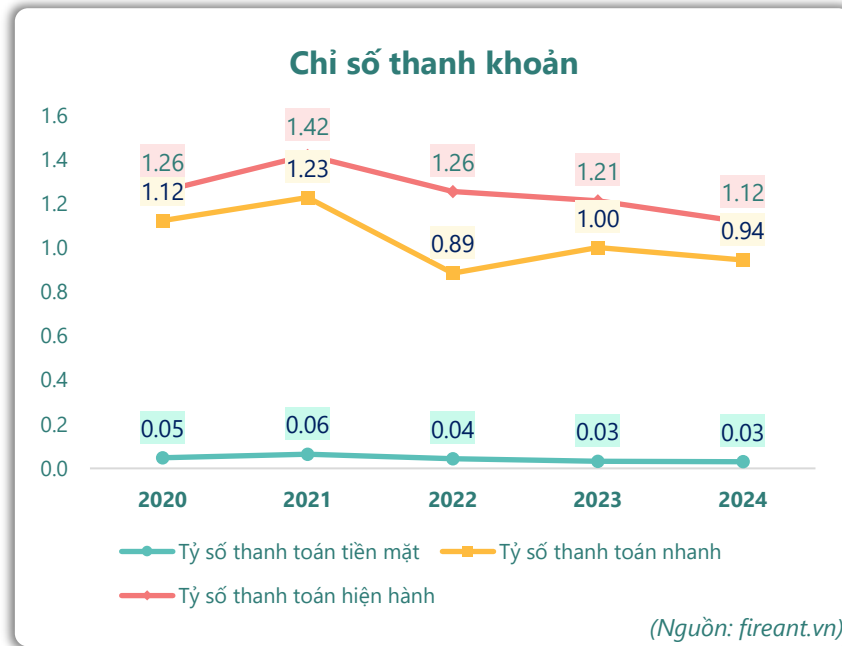
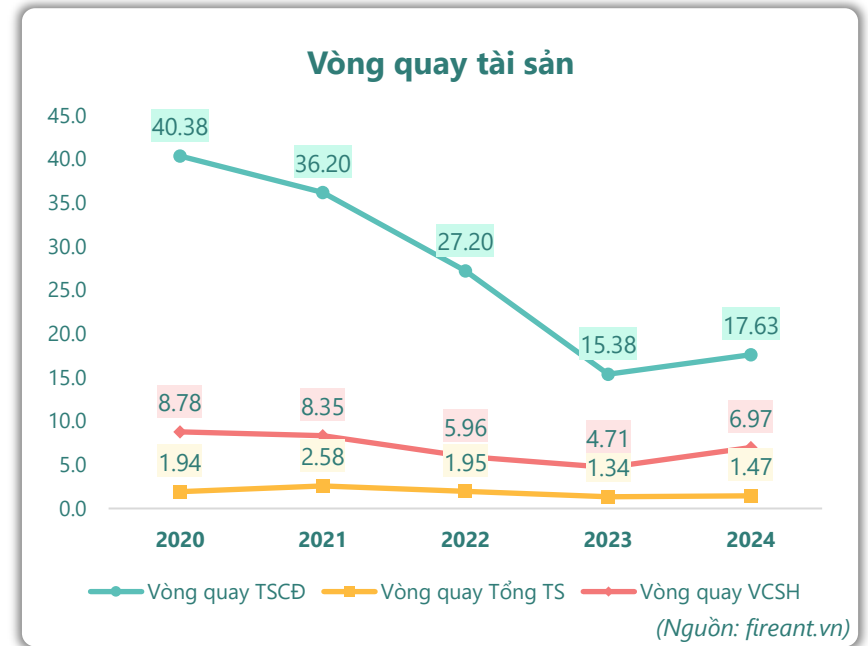
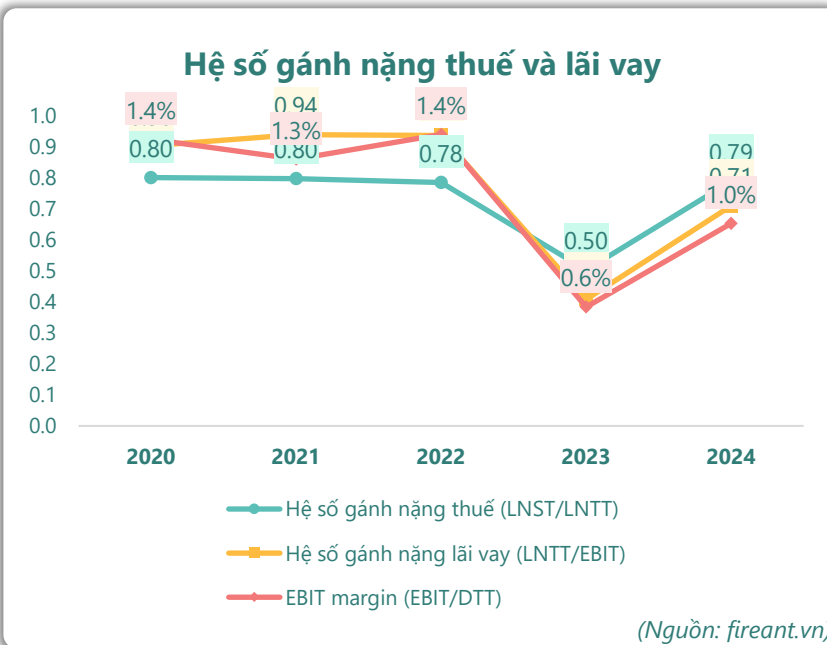
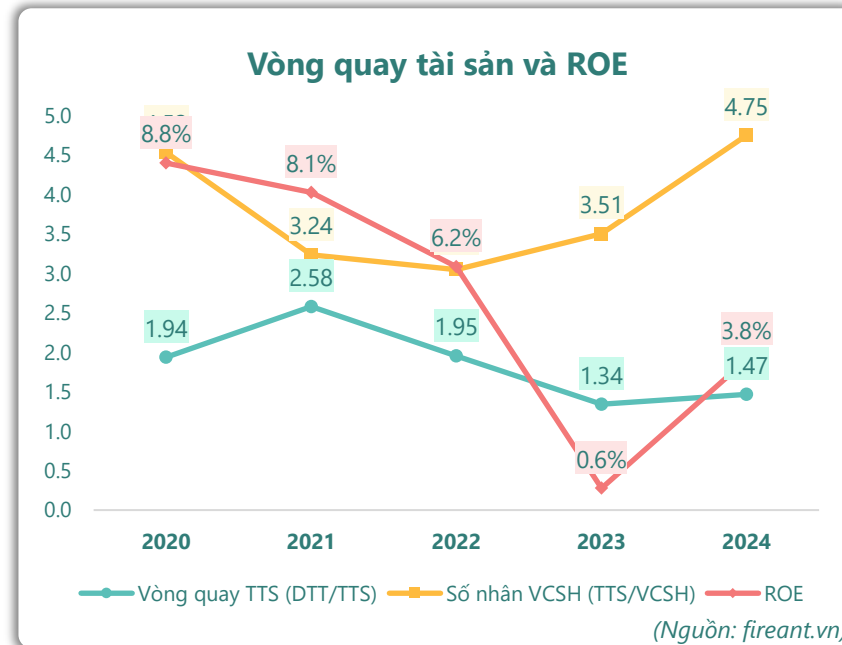
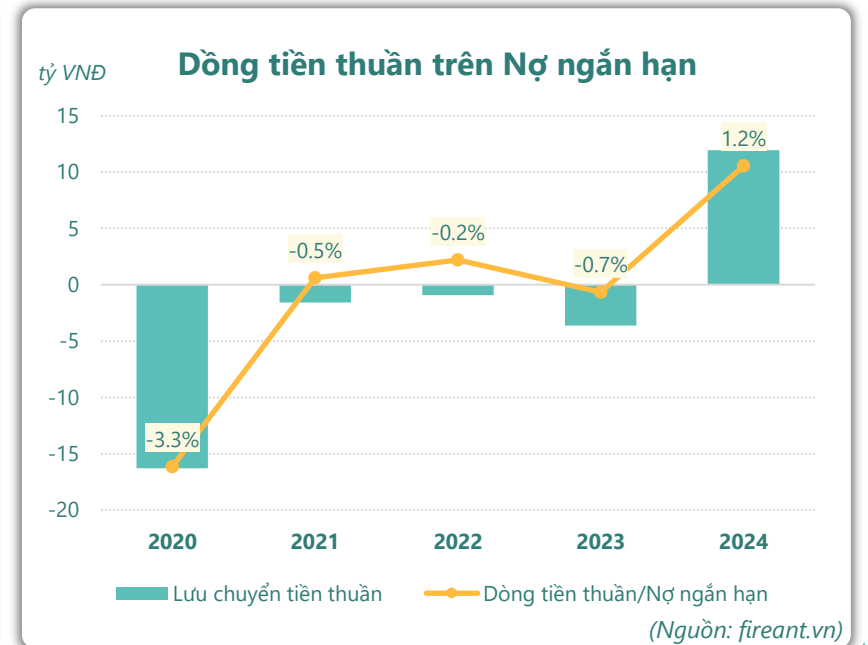
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	301	295	1.9%	1,393	943	47.6%
Giá vốn hàng bán	279	278	0.2%	1,303	879	48.1%
Lợi nhuận gộp	22.0	17.3	27.4%	90.0	63.9	40.8%
Doanh thu HĐTC	7.70	8.58	-10.2%	22.2	17.7	25.5%
Chi phí TC	8.78	7.68	14.3%	20.2	11.9	69.4%
Chi phí lãi vay	1.73	0.77	125%	3.97	3.21	23.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	17.3	12.0	44.5%	74.0	49.3	50.1%
Chi phí QLDN	2.81	3.68	-23.6%	15.3	19.4	-21.3%
LN thuần từ HĐKD	0.83	2.56	-67.7%	2.71	0.97	178%
Lợi nhuận khác	0.51	0.42	22.0%	6.95	1.24	463%
LN trước thuế	1.34	2.99	-55.2%	9.66	2.21	337%
Lợi nhuận sau thuế	1.04	2.39	-56.6%	7.62	1.11	586%
LNST của CĐ cty mẹ	1.04	2.39	-56.6%	7.62	1.11	586%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.81	-1.64	8.03	-29.0	7.50	-20.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-55.3	-9.10	-11.3	-28.3	-5.64	-4.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	34.7	16.8	1.54	55.7	7.35	18.5
Tiền đầu kỳ	47.6	17.2	23.2	21.5	19.9	29.1
Lưu chuyển tiền thuần	-30.5	6.02	-1.76	-1.55	9.22	-7.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	17.2	23.2	21.5	19.9	29.1	22.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,025	1,173	-12.6%
Tài sản ngắn hạn	933	1,080	-13.6%
Tiền và tương đương tiền	22.0	29.1	-24.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	133	124	7.6%
Phải thu ngắn hạn	723	752	-3.8%
Hàng tồn kho	48.8	167	-70.8%
Tài sản ngắn hạn khác	6.55	8.81	-25.6%
Tài sản dài hạn	92.3	92.6	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	80.3	80.7	-0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.35	1.94	20.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.67	9.98	-3.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	821	969	-15.3%
Nợ ngắn hạn	818	967	-15.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	179	160	11.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	600	737	-18.7%
Nợ dài hạn	2.69	2.48	8.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	205	204	0.5%
Vốn chủ sở hữu	205	204	0.5%
Vốn điều lệ	153	153	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

